|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚCVIỆT NAM-----** | **Mẫu số: B02/NHNN**(Ban hành theo Quyết định số 23/2008/QĐ-NHNN ngày 08/08/2008 của Thống đốc NHNN) |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Quý/Năm……*

**Đơn vị tính:………**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Thuyết minh** | **Kỳ này** | **Kỳ trước** |
|  | *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* |
| **TÀI SẢN CÓ** |  |  |  |
| **I** | **Tiền mặt, vàng bạc và đá quý** |  |  |  |
| 1 | Tiền mặt bằng đồng Việt Nam(2) |   |   |   |
| 2 | Ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý và đá quý | IV.1 |   |   |
| **II** | **Tiền gửi, cho vay và đầu tư ở nước ngoài** | IV.2 |  |  |
| 1 | Tiền gửi, cho vay và chờ thanh toán với ngân hàng nước ngoài |   |   |   |
| 2 | Đầu tư và quyền đòi nợ nước ngoài |   |   |   |
| - | *Quyền đòi nợ nước ngoài và các khoản đóng góp khác* |   |   |   |
| - | *Đầu tư chứng khoán của nước ngoài* |   |   |   |
| - | *Dự phòng giảm giá chứng khoán (\*)* |   |   |   |
| **III** | **Hoạt động đầu tư và tín dụng trong nước** | IV.3 |  |  |
| 1 | Nghiệp vụ thị trường mở |   |   |   |
| - | **Mua bán giấy tờ có giá** |   |   |   |
| - | *Dự phòng giảm giá chứng khoán (\*)* |   |   |   |
| 2 | Thanh toán với Nhà nước và Ngân sách Nhà nước |   |   |   |
| 3 | Tái cấp vốn cho các ngân hàng hoạt động ở Việt Nam |   |   |   |
| **IV** | **Tài sản cố định** |  |  |  |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | IV.4 |   |   |
| - | **Nguyên giá TSCĐ** |   |   |   |
| - | *Hao mòn TSCĐ (\*)* |   |   |   |
| 2 | Tài sản cố định vô hình | IV.5 |   |   |
| - | *Nguyên giá TSCĐ* |   |   |   |
| - | *Hao mòn TSCĐ vô hình (\*)* |   |   |   |
| **V** | **Tài sản Có khác** | IV.6 |  |  |
| 1 | XDCB, mua sắm TSCĐ, công cụ dụng cụ và vật liệu |   |   |   |
| 2 | Các khoản phải thu bên ngoài |   |   |   |
| 3 | Các khoản phải thu nội bộ |   |   |   |
| 4 | Các khoản phải thu khác |   |   |   |
| **Tổng tài sản Có** |   |   |   |
| **NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU** |   |   |   |
| **I** | **Tiền mặt ngoài lưu thông** | IV.7 |   |   |
| **II** | **Tiền gửi của KBNN và vốn tài trợ, ủy thác của Chính phủ** | IV.8 |   |   |
| **III** | **Các khoản nợ nước ngoài** | IV.9 |   |   |
| **IV** | **Phát hành giấy tờ có giá** | IV.10 |   |   |
| **V** | **Tiền gửi của tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng trong nước(3)** | IV.11 |   |   |
| **VI** | **Tài sản Nợ khác** | IV.12 |   |   |
| 1 | Các khoản phải trả bên ngoài |   |   |   |
| 2 | Các khoản phải trả nội bộ |   |   |   |
| 3 | Các khoản phải trả khác |   |   |   |
| **Tổng Nợ phải trả** |   |   |   |
| **IV** | **Vốn và Quỹ của Ngân hàng** |   |   |   |
| 1 | Vốn của Ngân hàng |   |   |   |
| - | *Vốn pháp định* |   |   |   |
| - | *Vốn đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ* |   |   |   |
| - | *Vốn do đánh giá lại tài sản* |   |   |   |
| - | *Vốn khác* |   |   |   |
| 2 | Các quỹ và dự phòng |   |   |   |
| - | *Quỹ thực hiện Chính sách tiền tệ Quốc gia* |   |   |   |
| - | *Quỹ dự phòng rủi ro* |   |   |   |
| - | *Quỹ khen thưởng, phúc lợi và dự phòng ổn định thu nhập* |   |   |   |
| 3 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái |   |   |   |
| 4 | Chênh lệch thu nhập và chi phí |   |   |   |
| **Tổng Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu** |   |   |   |

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Thuyết minh** | **Số cuối kỳ** | **Số đầu năm** |
|   | *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* |
| 1 | Cam kết bảo lãnh đưa ra |   |   |   |
| 2 | Cam kết giao dịch hối đoái | IV.13.1 |   |   |
| 3 | Cam kết khác | IV.13.2 |   |   |

***Ghi chú:***

1- Báo cáo này do Vụ KTTC lập cho toàn hệ thống NHNN theo quy định tại Mục 2, Chương II, Chế độ này.

*2- Tiền mặt bằng VND được hiểu là lượng tiền VND tại một số đơn vị thuộc hệ thống NHNN như Cục Quản trị, Trung tâm đào tạo, v.v… (không bao gồm số tiền thuộc Quỹ dự trữ phát hành và Quỹ nghiệp vụ phát hành).*

*3- Thuật ngữ “trong nước” và “nước ngoài” được hiểu theo Pháp lệnh Ngoại hối.*

*4- Số liệu các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (xxx).*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LẬP BIỂU***(Ký, họ tên)* | **PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN***(Ký, họ tên)* | *………., ngày…. tháng…. năm…….***THỦ TRƯỞNG***(Ký, họ tên và đóng dấu)* |